

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Bài 3, 4

Giấy, bút.

CÁCH TỔ CHỨC

Đọc dữ kiện, ghi cách làm rồi tự kiểm; có thể chia bốn nhiệm vụ thành các lần học khác nhau.

Khi dùng vật thật, ghi số đo hoặc kết quả đã quan sát và phần được hỗ trợ; không chép kết quả trong ví dụ làm kết quả của mình.

LƯU Ý CHUNG

Chấp nhận cách làm khác nếu đúng dữ kiện, đơn vị và quan hệ toán học. Để trẻ thử và tự kiểm trước khi gợi ý.

Bài 1 · tr. 01 **Xác định hai đáy và chiều cao của hình thang**

Mục tiêu Chỉ đúng hai đáy song song và chiều cao vuông góc của hình thang.

Ví dụ Hai đáy là hai cạnh song song được chọn; chiều cao là khoảng cách vuông góc giữa hai đường thẳng chứa đáy, không nhất thiết là cạnh bên.

Bản in, êke, giấy, bút.

Đề Câu 1 Trong hình, AB song song CD và DH vuông góc AB. Chỉ hai đáy và một đường cao.

Câu 1 · tr. 01 Hai đáy AB, CD; đường cao DH.

Đề Câu 2 Hình thang có hai đáy 9 cm, 5 cm và chiều cao 4 cm. Một cạnh bên dài 6 cm. Số nào là chiều cao đã cho?

Câu 2 · tr. 01 4 cm.

Câu 3 · tr. 02 Phải vuông góc với hai đường thẳng chứa đáy; một cạnh xiên chưa đáp ứng điều kiện ấy.

Câu 4 · tr. 02 Không; đổi thứ tự hai số hạng không đổi tổng.

Bài 2 · tr. 02 **Ghép hình để hiểu cách tính diện tích hình thang**

Mục tiêu Hiểu cách tính diện tích hình thang qua ghép hai hình thang bằng nhau.

Ví dụ Ghép hai hình thang bằng nhau thích hợp thành hình bình hành có đáy bằng tổng hai đáy và cùng chiều cao. Diện tích một hình thang bằng một nửa diện tích hình ghép.

Hai hình thang giấy bằng nhau, giấy, bút; người lớn chuẩn bị mảnh.

Câu 1 · tr. 02 Đáy hình ghép bằng tổng hai đáy hình thang; chiều cao giữ nguyên. Ghi thao tác thật; người lớn có thể hỗ trợ đặt mảnh.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 2 · nhiệm vụ 2 · tiếp tục

Câu 2 · tr. 02 $72 : 2 = 36 \text{ cm}^2$.

Câu 3 · tr. 03 Hình ghép: $(8 + 4) \times 3 = 36 \text{ cm}^2$; hình thang: $36 : 2 = 18 \text{ cm}^2$.

Câu 4 · tr. 03 Hình ghép dùng đủ hai mảnh bằng nhau, không chồng; một mảnh chiếm một nửa tổng diện tích.

Bài 3 · tr. 03 **Tính diện tích hình thang từ ba số đo**

Mục tiêu Tính diện tích hình thang bằng tổng hai đáy nhân chiều cao rồi chia 2.

Ví dụ Hai đáy 7 cm và 3 cm, chiều cao 4 cm: diện tích $(7 + 3) \times 4 : 2 = 20 \text{ cm}^2$.

Câu 1 · tr. 03 $(12 + 8) \times 5 : 2 = 50 \text{ cm}^2$.

LT1 · tr. 03 $(7 + 3) \times 2 : 2 = 10 \text{ cm}^2$.

Câu 2 · tr. 04 $(6,5 + 3,5) \times 2 : 2 = 10 \text{ dm}^2$.

Câu 3 · tr. 04 $(15 + 9) \times 8 : 2 = 96 \text{ m}^2$.

Câu 4 · tr. 04 $(12 + 8) \times 5 : 2$; cần dấu ngoặc hoặc tính tổng 20 trước, kết quả 50 cm^2 .

Bài 4 · tr. 04 **Đổi đơn vị và kiểm diện tích hình thang**

Mục tiêu Thống nhất đơn vị và kiểm diện tích hình thang bằng ước lượng.

Ví dụ Hai đáy 5 dm và 30 cm, chiều cao 2 dm: đổi $30 \text{ cm} = 3 \text{ dm}$ rồi tính $(5 + 3) \times 2 : 2 = 8 \text{ dm}^2$.

Câu 1 · tr. 04 $150 \text{ cm} = 1,5 \text{ m}$; $(2 + 1,5) \times 1 : 2 = 1,75 \text{ m}^2$.

Câu 2 · tr. 04 $40 \text{ cm} = 4 \text{ dm}$; $30 \text{ cm} = 3 \text{ dm}$; $(8 + 4) \times 3 : 2 = 18 \text{ dm}^2$.

Câu 3 · tr. 05 Tổng hai đáy nhỏ hơn 4 m nên diện tích nhỏ hơn $4 \times 1 : 2 = 2 \text{ m}^2$; 175 m^2 vô lí. Số đúng là $1,75 \text{ m}^2$.

Câu 4 · tr. 05 cm^2 .

Bài 5 · tr. 05 **Giải một việc thực tế có mặt hình thang**

Mục tiêu Dùng diện tích hình thang trong tình huống có dữ kiện rõ ràng.

Ví dụ Một tấm bìa hình thang có hai đáy 10 cm, 6 cm và chiều cao 5 cm có diện tích 40 cm^2 ; lượng giấy tính theo phần mặt, không theo đường viền.

Giấy, bút, bìa, thước và êke để vẽ và đo nhãn ở nhiệm vụ 3.

Câu 1 · tr. 05 $(14 + 10) \times 6 : 2 = 72 \text{ m}^2$.

Câu 2 · tr. 06 Một nhãn: 28 cm^2 ; hai nhãn: 56 cm^2 .

Câu 3 · tr. 06 Theo nhãn thực: hai đáy song song, chiều cao vuông góc, số đo và công thức phù hợp; ghi nếu mới là bản thiết kế.

Câu 4 · tr. 06 Chưa đủ; dây viền theo chu vi nên cần độ dài các cạnh hoặc dữ kiện xác định chu vi, không dùng cm^2 thay cm.

LT1 · tr. 06 Diện tích $(8 + 6) \times 3 : 2 = 21 \text{ m}^2$. Chưa đủ biết dây viền: còn cần độ dài hai cạnh bên để tính chu vi.

LT2 · tr. 06 cm, vì đang tìm độ dài đường bao, không tìm diện tích.